

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN LOGISTICS VICEM
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Thành
phố Thủ Đức, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN LOGISTICS VICEM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0301975289
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.07.25 10:04:18+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 30

3517
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM
HỒ CHÍ MINH

5289
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Phạm Thị Thái Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Đàm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng, các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

Số: 10/2025/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị
Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 21 tháng 07 năm 2025 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vicem và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		361.229.598.955	367.101.766.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	33.135.239.518	34.544.484.237
1. Tiền	111		15.569.617.080	17.357.996.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.565.622.438	17.186.487.671
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		216.703.260.067	194.841.267.560
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	216.703.260.067	194.841.267.560
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.033.577.037	134.437.739.094
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	105.267.388.014	130.596.147.978
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		415.359.000	533.381.678
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.4	6.380.000.000	6.380.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.090.883.738	3.817.979.296
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(7.120.053.715)	(6.889.769.858)
IV. Hàng tồn kho	140		2.328.307.305	2.733.429.705
1. Hàng tồn kho	141	4.7	2.328.307.305	2.733.429.705
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.215.028	544.846.038
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.215.028	544.846.038
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.083.638.048	30.053.972.417
I. Tài sản cố định	220		24.083.638.048	30.053.972.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	24.083.638.048	30.053.972.417
Nguyên giá	222		232.087.346.565	236.716.424.631
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.003.708.517)	(206.662.452.214)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		385.313.237.003	397.155.739.051

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.808.828.794	65.849.156.217
I. Nợ ngắn hạn	310		53.808.828.794	65.849.156.217
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	23.774.008.141	45.915.687.851
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	4.850.120.635	1.553.885.467
3. Phải trả người lao động	314	4.11	8.279.024.537	14.809.801.897
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	3.075.299.557	353.536.133
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	5.076.027.823	1.003.528.634
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	6.157.969.873	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	2.596.378.228	2.212.716.235
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		331.504.408.209	331.306.582.834
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	331.504.408.209	331.306.582.834
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.245.045.585	127.245.045.585
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.601.769.933	11.553.972.541
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.594.022.548	2.382.067.789
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.007.747.385	9.171.904.752
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.546.809.359	8.396.781.376
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		385.313.237.003	397.155.739.051



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	130.802.598.293	138.712.095.638
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.802.598.293	138.712.095.638
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	112.354.974.788	123.207.049.397
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.447.623.505	15.505.046.241
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.450.353.952	5.128.862.822
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	14.816.041.817	15.926.083.240
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.081.935.640	4.707.825.823
8. Thu nhập khác	31	5.5	2.373.590.881	329.942.807
9. Chi phí khác	32		8.307.310	271.520.064
10. Lợi nhuận khác	40		2.365.283.571	58.422.743
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.447.219.211	4.766.248.566
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.289.443.843	953.249.713
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.157.775.368	3.812.998.853
14. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.007.747.385	3.765.038.115
15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		150.027.983	47.960.738
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	687	130
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	687	130



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.447.219.211	4.766.248.566
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	6.020.914.369	6.025.409.532
Các khoản dự phòng	03		6.388.253.730	8.601.694.202
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.663.809.655)	(5.128.862.822)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.192.577.655	14.264.489.478
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.996.451.635	24.019.556.245
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		405.122.400	(1.076.681.085)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(23.446.097.815)	(12.091.495.907)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.356.505.317)	(1.151.903.706)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		30.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.675.088.000)	(4.749.597.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.146.460.558	19.214.367.703
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ				
1. và các tài sản dài hạn khác	21		(50.580.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.213.455.703	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(222.240.738.072)	(143.247.955.438)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		200.378.745.565	122.892.301.093
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.143.411.527	5.614.720.976
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.555.705.277)	(14.740.933.369)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	160.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	160.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(1.409.244.719)	4.633.434.334
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.544.484.237	7.164.400.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	33.135.239.518	11.797.834.550



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa từ Xi nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (tên cũ: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1) thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 23 tháng 04 năm 2025.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
Cộng	131.040.000.000	100,00	131.040.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (trước đây là Số 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam).

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty").

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 182 (31/12/2024 là: 190).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (từ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

1.6. Công ty con trực tiếp được hợp nhất

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Tầng 35, tòa nhà The Nexus, 3A-3B Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	65,00%	65,00%

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức đang tiến hành giải thể theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTV/TTTĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng thành viên.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 - "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp [kê khai thường xuyên].

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.13. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Riêng cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2025, theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 174/2024/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024, Nhóm công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.18. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	807.081.935	719.979.647
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.762.535.145	16.638.016.919
Các khoản tương đương tiền (*)	17.565.622.438	17.186.487.671
Cộng	33.135.239.518	34.544.484.237

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn, lãi suất 4,40%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng tại ngày 30/06/2025.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- Xem thêm Mục 7	55.612.863.108	80.014.843.339
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	10.550.546.779	13.864.262.836
Các khách hàng khác (*)	39.103.978.127	36.717.041.803
Cộng	105.267.388.014	130.596.147.978

(*) Tại ngày 30/06/2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu về cho vay

Là khoản cho Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C vay theo Hợp đồng vay số 01/2024/HĐV ngày 31 tháng 08 năm 2024, chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay: 6.380.000.000 VND
- Thời hạn cho vay: 12 tháng
- Lãi suất: 5,0%/năm
- Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.423.446.140	-	2.274.692.757	-
Phải thu từ bồi thường	525.000.000	-	525.000.000	-
Phải thu người lao động	829.794.686	-	532.705.000	-
Phải thu lãi cho vay	265.687.672	-	107.498.630	-
Phải thu khác	46.955.240	-	378.082.909	-
Cộng	4.090.883.738	-	3.817.979.296	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	9.322.986.596	2.202.932.881	10.052.986.596	3.163.216.738

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	979.302.000	-
Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	1.566.597.568	95.552.478	1.816.597.568	534.406.612
Các khách hàng khác	6.777.087.028	2.107.380.403	7.257.087.028	2.628.810.126
Cộng	9.322.986.596	2.202.932.881	10.052.986.596	3.163.216.738

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.052.239.509	-	2.610.010.204	-
Công cụ, dụng cụ	276.067.796	-	123.419.501	-
Cộng	2.328.307.305	-	2.733.429.705	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	2.203.932.585	228.904.725.144	5.607.766.902	236.716.424.631
Mua trong kỳ	-	-	50.580.000	50.580.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.679.658.066)	-	(4.679.658.066)
Tại ngày 30/06/2025	2.203.932.585	224.225.067.078	5.658.346.902	232.087.346.565
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2025	2.203.932.585	199.680.737.103	4.777.782.526	206.662.452.214
Khấu hao trong kỳ	-	5.717.861.862	303.052.507	6.020.914.369
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.679.658.066)	-	(4.679.658.066)
Tại ngày 30/06/2025	2.203.932.585	200.718.940.899	5.080.835.033	208.003.708.517
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2025	-	29.223.988.041	829.984.376	30.053.972.417
Tại ngày 30/06/2025	-	23.506.126.179	577.511.869	24.083.638.048

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 115.255.533.105 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho bên liên quan - Xem thêm Mục 7	1.820.536.989	1.820.536.989	285.012.971	285.012.971
Doanh nghiệp tự nhân Trung Tài	6.854.717.700	6.854.717.700	11.641.253.117	11.641.253.117
Công ty Cổ phần HCM Logistics	6.526.965.437	6.526.965.437	10.633.035.473	10.633.035.473
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	8.571.788.015	8.571.788.015	23.356.386.290	23.356.386.290
Cộng	23.774.008.141	23.774.008.141	45.915.687.851	45.915.687.851

(*) Tại ngày 30/06/2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	2.533.508.612	11.379.729.609	(966.604.720)	(7.879.616.277)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.239.443.843	2.289.443.843	(1.356.505.317)	-	-	1.306.505.317
Thuế thu nhập cá nhân	77.168.180	1.547.373.159	(1.717.585.129)	-	-	247.380.150
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	779.035.608	(779.035.608)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
Cộng	4.850.120.635	15.998.582.219	(4.822.730.774)	(7.879.616.277)	(7.879.616.277)	1.553.885.467



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2025.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	2.087.986.601	70.063.830
Các khoản chi phí phải trả khác	987.312.956	283.472.303
Cộng	3.075.299.557	353.536.133

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả cho bên liên quan - Xem thêm Mục 7	1.968.708.300	-
Phải trả cho các đối tượng khác:		
Cổ tức phải trả	1.973.152.100	11.440.400
Nhận ký quỹ, ký cược	106.000.000	106.000.000
Các khoản phải trả khác	1.028.167.423	886.088.234
Cộng	5.076.027.823	1.003.528.634

4.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản trích chi phí dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định tại ngày 30/06/2025.

4.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu năm	2.212.716.235	3.956.152.773
Trích lập trong kỳ	5.028.749.993	5.773.395.490
Tăng khác	30.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(4.675.088.000)	(4.749.597.322)
Số dư cuối kỳ	2.596.378.228	4.979.950.941

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích có đồng không kiểm soát VND		
Tại ngày 01/01/2024	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	12.086.663.279	1.742.651.889	325.185.144.085	
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	3.765.038.115	47.960.738	3.812.998.853	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.773.395.490)	-	(5.773.395.490)	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.931.200.000)	-	(3.931.200.000)	
Tăng vốn trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	160.000.000	160.000.000	
Tại ngày 30/06/2024	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	6.147.105.904	1.950.612.627	319.453.547.448	
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	5.406.866.637	66.168.749	5.473.035.386	
Tăng vốn trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	6.380.000.000	6.380.000.000	
Tại ngày 01/01/2025	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	11.553.972.541	8.396.781.376	331.306.582.834	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	9.007.747.385	150.027.983	9.157.775.368	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.028.749.993)	-	(5.028.749.993)	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.931.200.000)	-	(3.931.200.000)	
Tại ngày 30/06/2025	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	11.601.769.933	8.546.809.359	331.504.408.209	

Việc phân phối lợi nhuận kỳ này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 50/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16.3. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 50/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025, tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 là 3% trên vốn điều lệ.

4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	9.007.747.385	3.765.038.115
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.064.286.090)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.007.747.385	1.700.752.025
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	687	130

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2025. Nếu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	100.817.947.403	118.460.007.391
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	22.501.886.503	17.231.854.609
Doanh thu cho thuê công trình hạ tầng	7.132.695.000	-
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	278.895.382	2.185.226.650
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	71.174.005	835.006.988
Cộng	<u>130.802.598.293</u>	<u>138.712.095.638</u>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7

46.284.569.583	66.154.724.037
----------------	----------------

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	86.205.017.259	107.182.443.340
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.297.454.652	16.024.606.057
Giá vốn của thuê công trình hạ tầng	4.852.502.877	-
Cộng	<u>112.354.974.788</u>	<u>123.207.049.397</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.292.164.910	5.128.862.822
Lãi cho vay	158.189.042	-
Cộng	<u>5.450.353.952</u>	<u>5.128.862.822</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.530.626.873	7.199.026.683
Chi phí vật liệu quản lý	229.126.445	372.405.667
Chi phí đồ dùng văn phòng	519.933.500	299.622.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.052.507	307.547.670
Thuế phí, lệ phí	1.570.573.982	1.645.052.882
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	230.283.857	1.243.418.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.544.149.555	1.815.137.341
Chi phí khác bằng tiền	2.888.295.098	3.043.871.258
Cộng	14.816.041.817	15.926.083.240

5.5. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.213.455.703	-
Thu nhập khác	160.135.178	329.942.807
Cộng	2.373.590.881	329.942.807

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.180.166.487	14.621.315.096
Chi phí nhân công	27.474.339.979	29.955.363.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.020.914.369	6.025.409.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.346.887.815	84.205.147.124
Chi phí khác bằng tiền	3.148.707.955	4.325.897.081
Cộng	127.171.016.605	139.133.132.637

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	11.447.219.211	4.766.248.566
Cộng/(Trừ): Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	11.447.219.211	4.766.248.566
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	<u>2.289.443.843</u>	<u>953.249.713</u>

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty cung cấp, hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại Việt Nam nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Công ty có cùng công ty mẹ
4. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng công ty mẹ
5. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	51.124.023.386	75.426.003.617
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	4.488.839.722	4.588.839.722
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	55.612.863.108	80.014.843.339
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	(1.423.400.844)	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(397.136.145)	(285.012.971)
Cộng - Xem thêm Mục 4.9	(1.820.536.989)	(285.012.971)
Cổ tức phải trả - Xem thêm Mục 4.13:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(1.968.708.300)	-
Trong kỳ, Nhóm Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	46.284.569.583	66.154.724.037
Sử dụng dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	4.852.502.877	-
Mua dịch vụ:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	677.168.512	709.159.597
Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	1.968.708.300	1.968.708.300
Ông Đỗ Văn Huân	780.000	780.000
Cộng	1.969.488.300	1.969.488.300

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch	36.000.000	36.000.000
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Cộng		132.000.000	132.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc	343.297.619	352.680.000
Ông Đàm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	186.795.000	186.885.000
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc	186.660.000	186.885.000
Cộng		716.752.619	725.472.272

Thù lao của Ban kiểm soát Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Thái Hà	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Cộng		60.000.000	60.000.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. SỐ LIỆU SỐ SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):


	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	130	287
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	130	287


Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được báo cáo lại do Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 50/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025.


9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.




Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc


Phạm Thị Ngọc
Kế toán trưởng


Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025